CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thủy Điện A Vương

Ngày 30/09/2025	55,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.0%	**-1.3%**	**-4.7%**

DT thuần
Q3/25
205
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 59.0| 40.3%
YoY: ▼39.0| -16.0%

LN thuần
Q3/25
121
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 64.9| 115%
YoY: ▼33.0| -21.6%

LN sau thuế
Q3/25
96.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 51.3| 113%
YoY: ▼27.4| -22.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
59.0%
YoY: +/-▲ 20.5%

ROE (TTM)
Q3/25
27.7%
YoY: +/-▼ 5.3%

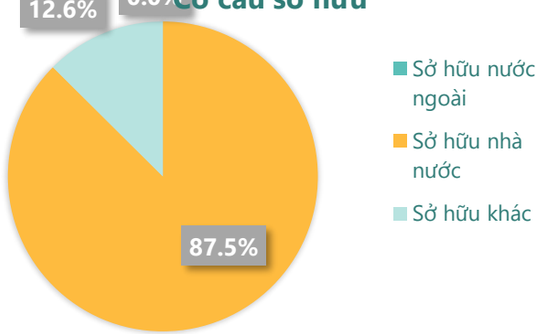
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	49,949 - 60,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,135
Số lượng CPLH (CP)	75,052,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,315
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.48
EPS	4,440
P/E	12.4

DT thuần
9T 2025
482
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.00| 0.9%

LN thuần
9T 2025
251
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.0| 18.6%

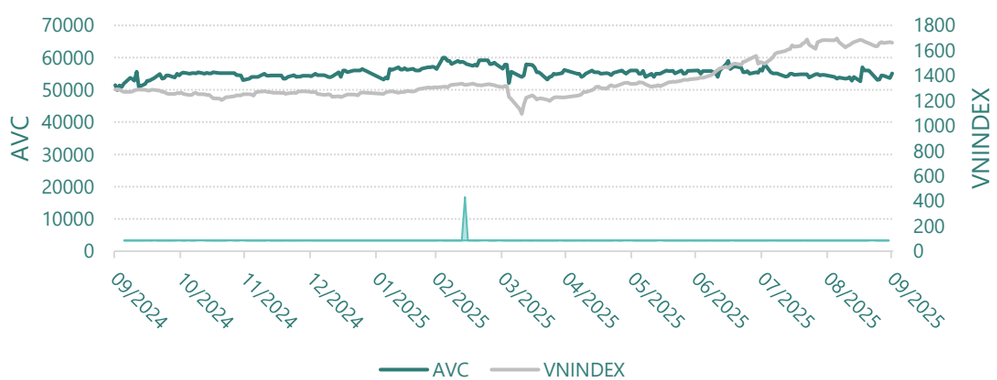
LN sau thuế
9T 2025
202
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.0| 18.2%

Cơ cấu sở hữu

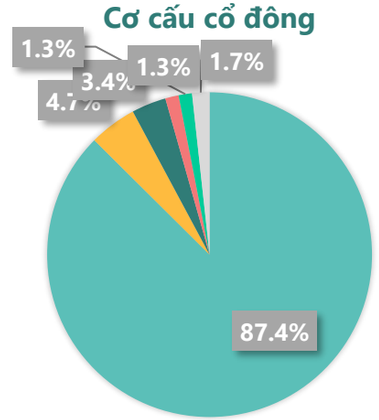


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

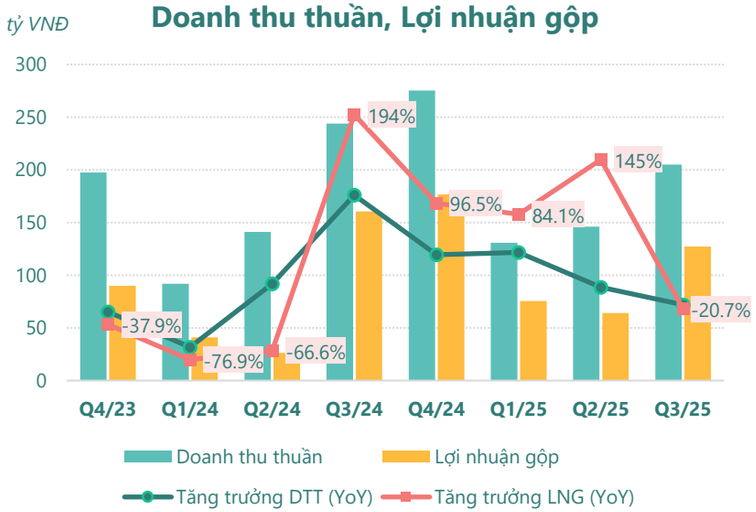


Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP
Đặng Thanh Bình (Thành viên HĐQT)
CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Đặng Ngọc Hoàng
Đặng Thị Lan Ngọc
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

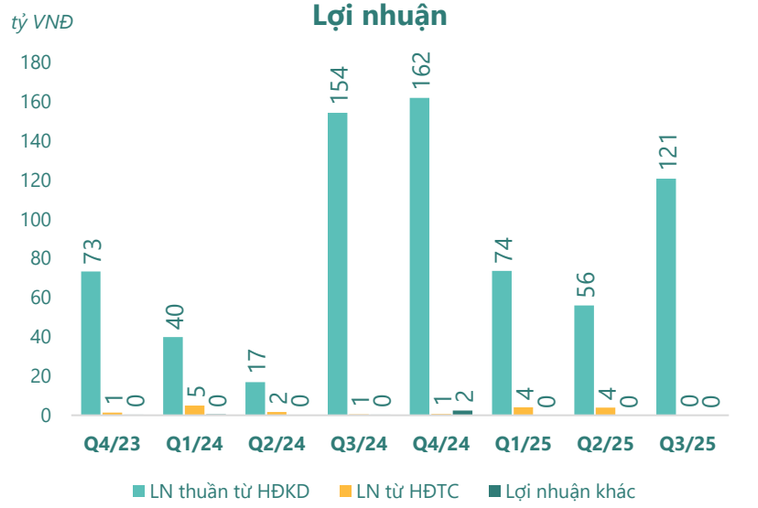
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



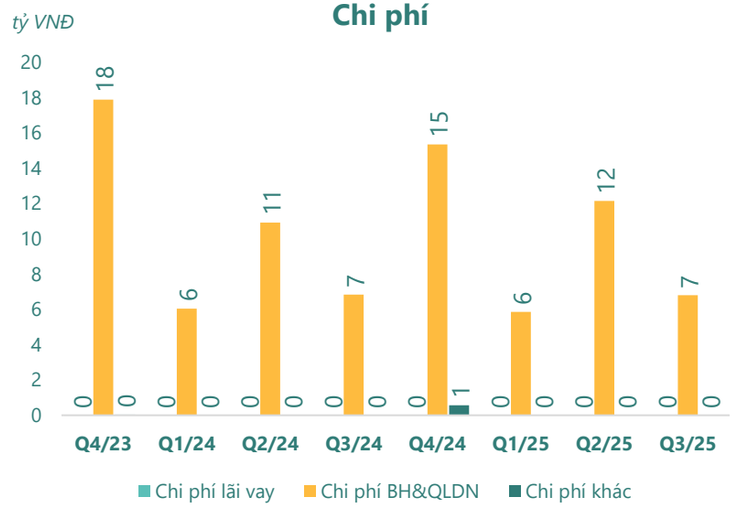
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



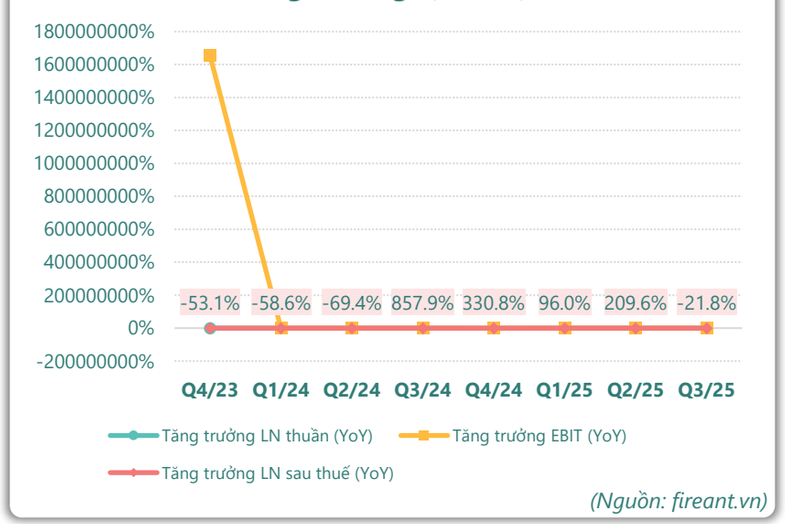
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



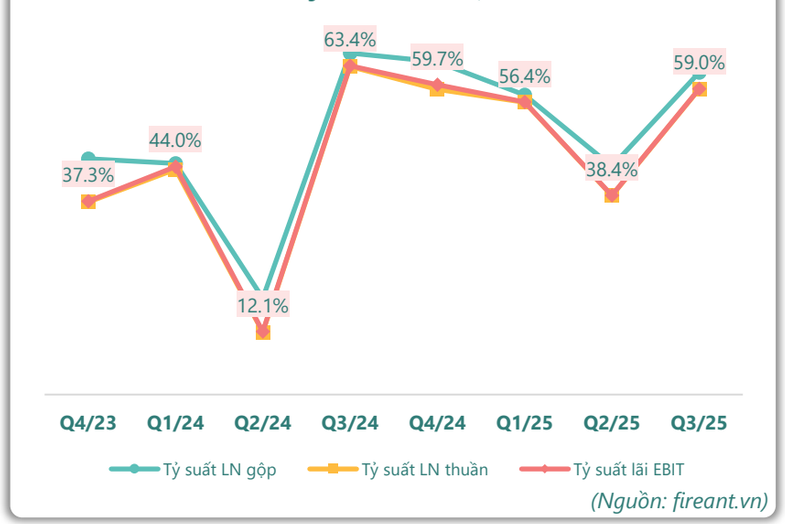
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



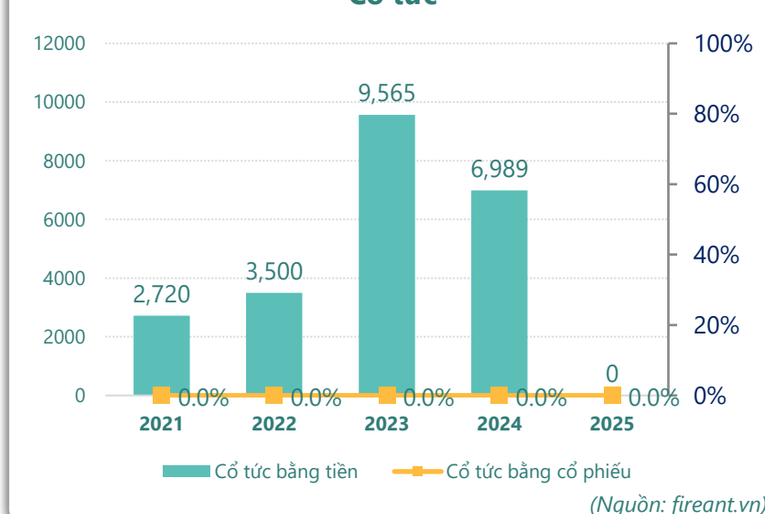
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



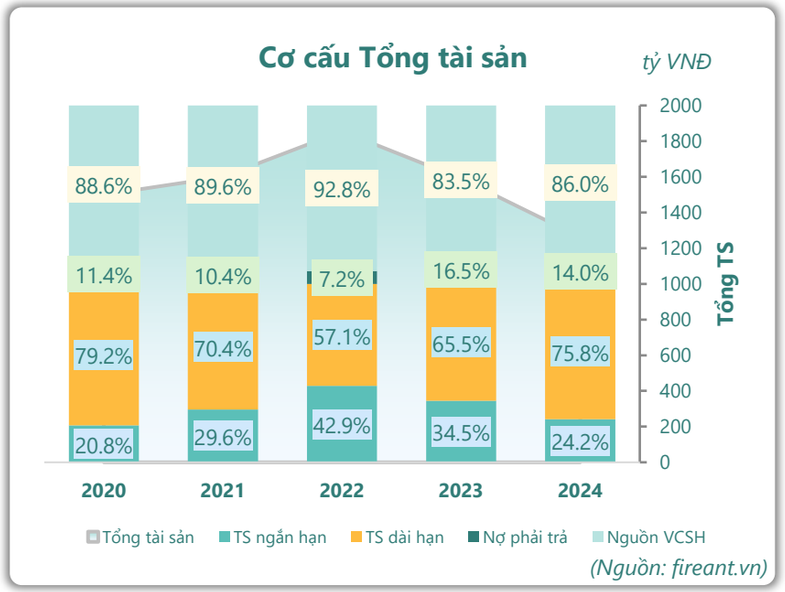
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

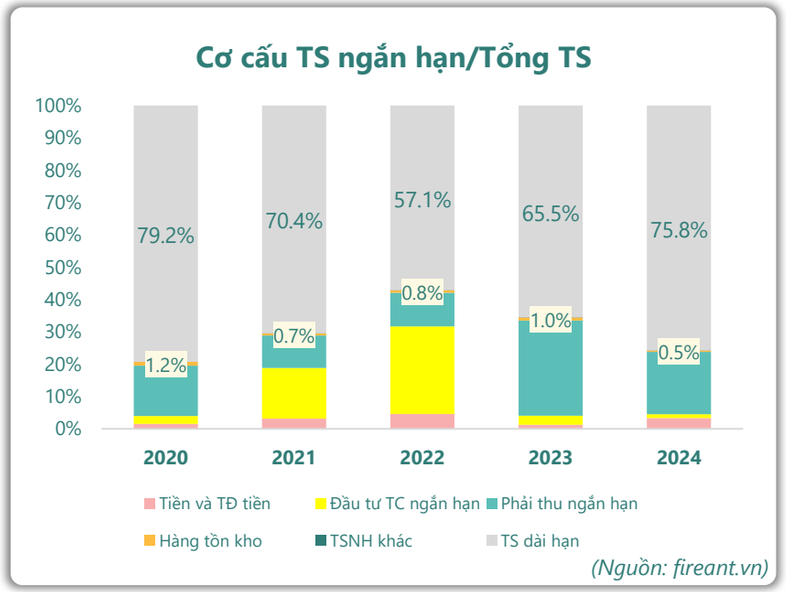


(Nguồn: fireant.vn)

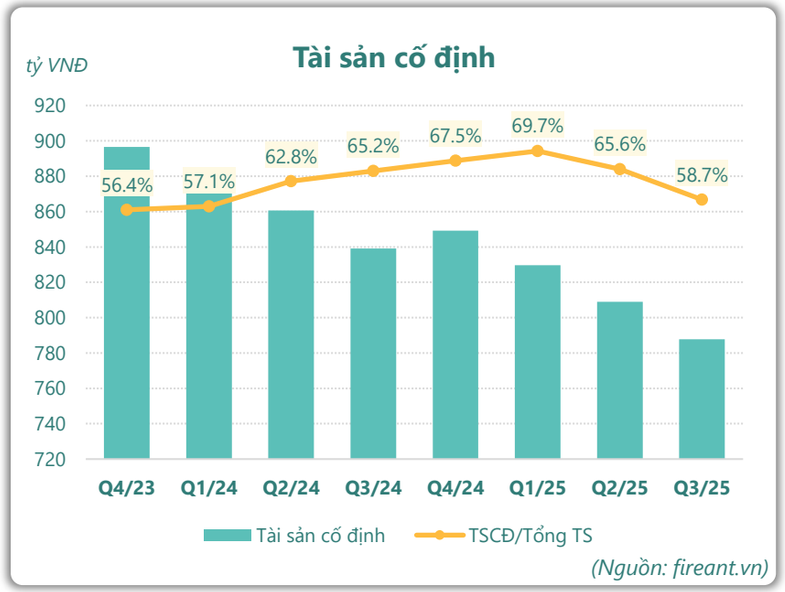
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



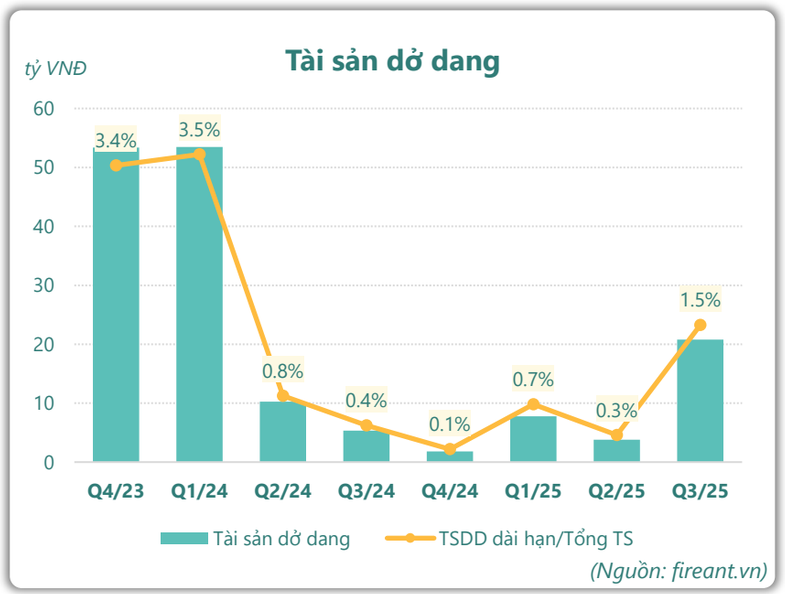
(Nguồn: fireant.vn)



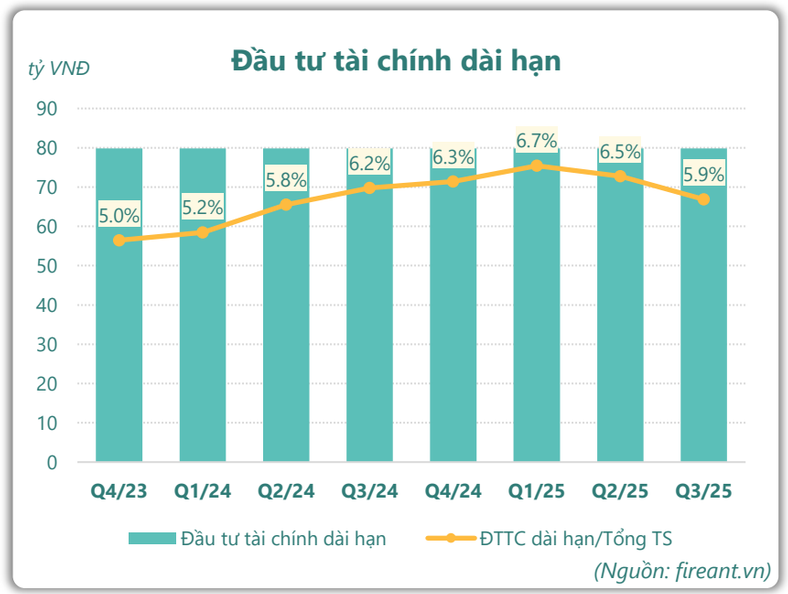
(Nguồn: fireant.vn)



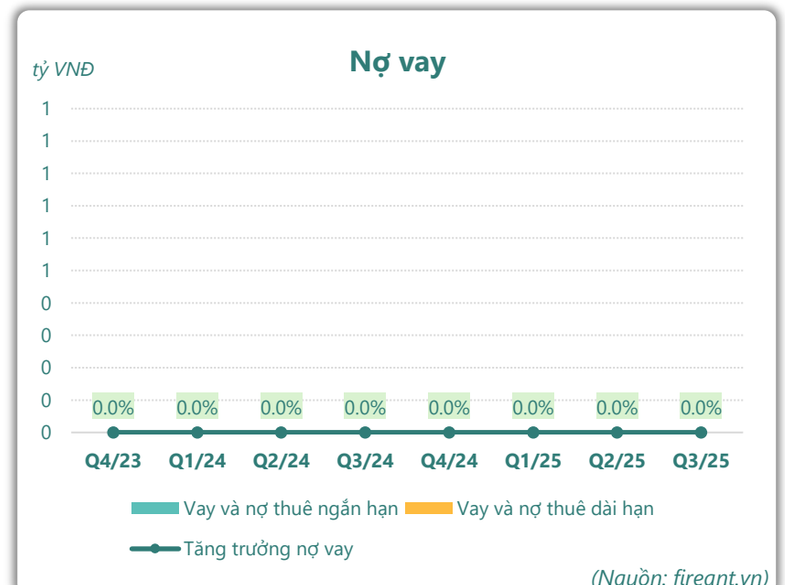
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



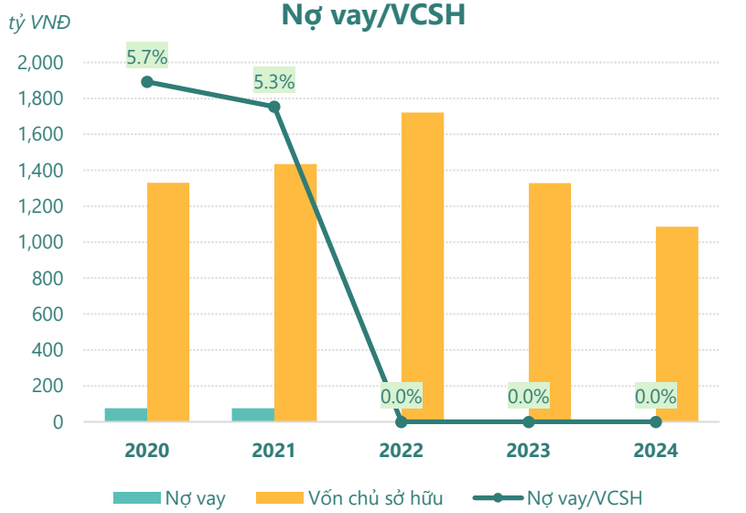
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

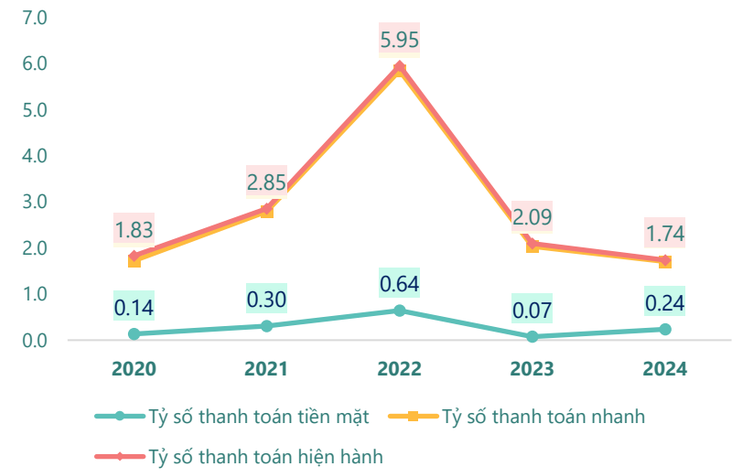
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



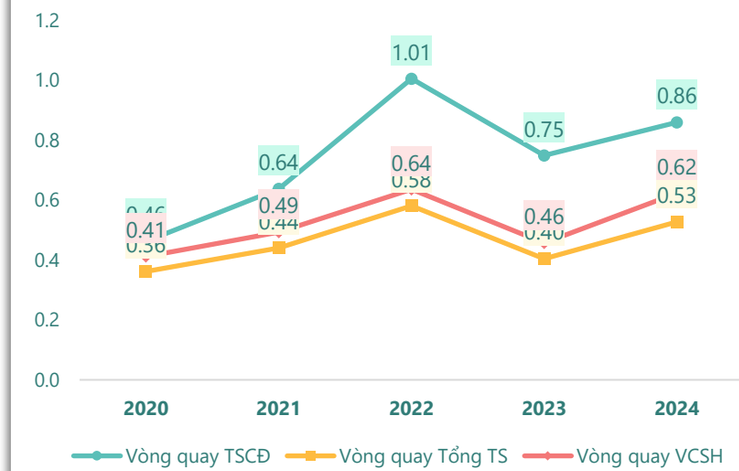
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



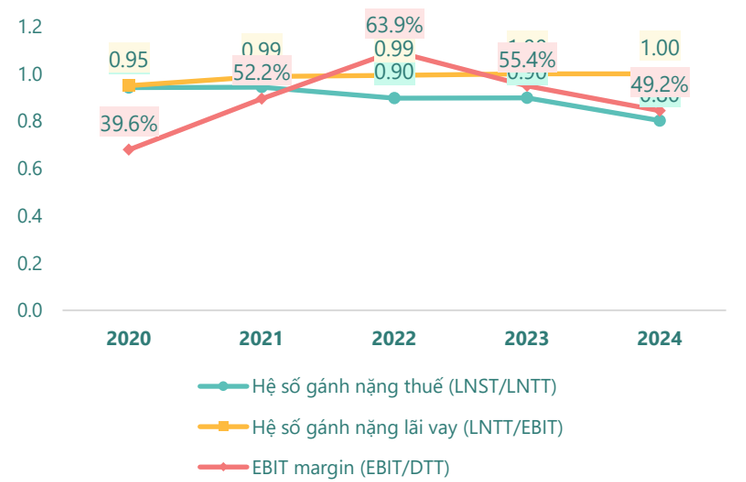
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



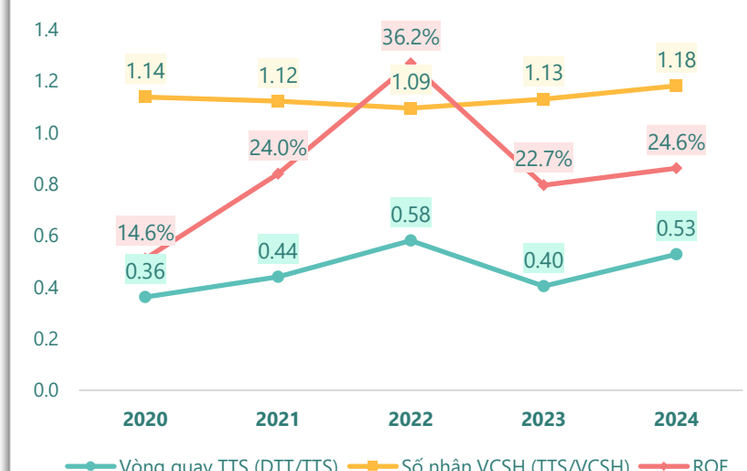
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



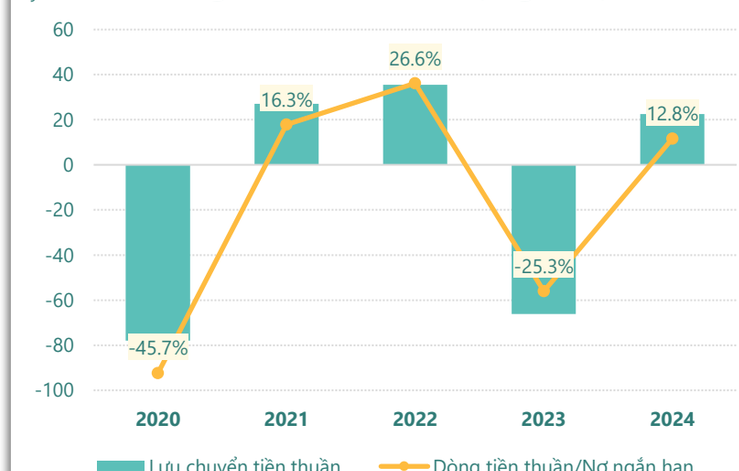
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**205**	**244**	**-16.0%**	**482**	**477**	**0.9%**
Giá vốn hàng bán	77.6	83.2	-6.7%	215	249	-13.9%
Lợi nhuận gộp	127	161	-20.9%	267	228	17.2%
Doanh thu HĐTC	0.21	0.53	-60.6%	8.22	7.17	14.6%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**6.80**	**6.84**	**-0.5%**	**24.8**	**23.8**	**4.2%**
LN thuần từ HĐKD	121	154	-21.6%	251	211	18.6%
Lợi nhuận khác	**0.11**	**0.35**	**-68.0%**	**0.22**	**1.01**	**-78.6%**
LN trước thuế	121	155	-22.0%	251	212	18.1%
Lợi nhuận sau thuế	**96.6**	**124**	**-22.1%**	**202**	**171**	**18.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**96.6**	**124**	**-22.1%**	**202**	**171**	**18.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	131	101	175	76.7	145	143
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	35.1	87.0	0.25	-63.5	-43.1	-104
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-172	-210	-168	-34.7	-59.4	0
Tiền đầu kỳ	62.5	57.0	34.8	42.1	20.6	63.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.46**	**-22.2**	**7.30**	**-21.5**	**42.7**	**39.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	57.0	34.8	42.1	20.6	63.3	103

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,343**	**1,261**	**6.4%**
Tài sản ngắn hạn	436	306	42.5%
Tiền và tương đương tiền	103	42.1	144%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	168	15.0	1020%
Phải thu ngắn hạn	153	243	-36.9%
Hàng tồn kho	10.9	5.69	91.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.54	0.15	255%
Tài sản dài hạn	**907**	**956**	**-5.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	788	853	-7.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.8	1.83	1035%
Đầu tư tài chính dài hạn	79.8	79.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**18.6**	**20.9**	**-11.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.7	176	-63.8%
Nợ ngắn hạn	**63.7**	**176**	**-63.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.16	11.5	-46.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,279**	**1,085**	**17.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,279**	**1,085**	**17.8%**
Vốn điều lệ	751	751	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)